

Số: 3098/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 290/TTr-SNN ngày 19/8/2022 về việc ban hành Ban hành Bộ tiêu chí xã, huyện nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025).

Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025 là căn cứ để UBND các huyện, thị xã, các xã xây dựng kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; thẩm tra, đánh giá, đề nghị công nhận các xã đạt tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố và các sở, ngành, địa phương công bố Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025; tổng hợp hướng dẫn của các sở, ngành liên quan để ban hành Hướng dẫn phương pháp đánh giá, chấm điểm Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025.

2. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện; chủ trì, tổng hợp công tác thẩm định, đánh giá, chấm điểm và hướng dẫn các huyện, thị xã hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, trình UBND Thành phố Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố và đơn vị liên quan tham mưu UBND Thành phố cân đối, bố trí nguồn kinh phí hàng năm giao cho các địa phương và hướng dẫn tổ chức thực hiện nguồn kinh phí được giao; kiểm tra, xác định tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới làm cơ sở đánh giá, công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định.

4. Các sở, ngành Thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương xây dựng hướng dẫn thực hiện, đánh giá chấm điểm các tiêu chí được phân công, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố tổng hợp ban hành hướng dẫn chung. Phối hợp với các địa phương theo dõi, đánh giá các tiêu chí của xã trên địa bàn các huyện, thị xã; báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm đối với các chỉ tiêu, tiêu chí được phân công, gửi Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố tổng hợp, báo cáo theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, các Ban thuộc Thành ủy tham gia phối hợp thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực và hướng dẫn các xã đánh giá kết quả theo Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025; báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm về Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

7. Ủy ban nhân dân các xã căn cứ Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025 để đánh giá kết quả đạt được từng tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của xã; báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm về UBND huyện, thị xã trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các xã; Thành viên Hội đồng thẩm định, Đoàn thẩm định nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐP NTM Trung ương;
- TT. Thành ủy; TT. HĐND TP;
- Chủ tịch và các PCT UBND TP;
- VPUB: Các PCVP, KTN, KGVX, ĐT, TN&MT, NC, TH;
- Lưu: VT, KTN_{Quang}.

44144 - 8



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Sỹ Thanh

Phụ lục I
BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 3098./QĐ-UBND ngày 29./8/2022
của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
I	QUY HOẠCH			
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Sở Quy hoạch Kiến trúc
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	
II	HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Sở Giao thông Vận tải
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100%	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100%	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 90% trở lên	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn:	Đạt	Sở Công Thương
		Có hệ thống điện (bao gồm các nguồn từ lưới điện quốc gia hoặc ngoài lưới điện quốc gia; hệ thống các trạm biến áp phân phối, các đường dây trung áp, các đường dây hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân) đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.		
		4.1.1. Đường dây trung áp đạt chuẩn	Đạt	
		- Hệ đường dây trung áp (hồ sơ pháp lý, an toàn điện, cung cấp điện, kết cấu chịu lực, vận hành) đạt chuẩn	Đạt	
		- Không tồn tại các điểm vi phạm an toàn hành lang lưới điện cao áp.	Đạt	
		4.1.2. Trạm biến áp phân phối (hồ sơ pháp lý, an toàn điện, cung cấp điện, kết cấu chịu lực, vận hành) đạt chuẩn	Đạt	
		4.1.3. Đường dây hạ áp đạt chuẩn	Đạt	
		- Hệ thống đường dây hạ áp (hồ sơ pháp lý, an toàn điện, chất lượng điện năng, dây dẫn điện, kết cấu chịu lực, vận hành) đạt chuẩn.	Đạt	
		- Hệ thống đường dây được thanh thải, bó gọn, không trùng võng	Đạt	
		- Cột bê tông cốt thép đảm bảo chất lượng đạt chuẩn, không bị vỡ, nứt, không bị nghiêng, cột được sơn chỉ rõ tên và mạch trên các vị trí cột	Đạt	
		- Không còn cột điện giữa đường hoặc gây cản trở giao thông	Đạt	
		4.1.4. Dây dẫn về hộ gia đình sau công tơ điện và công tơ điện đạt chuẩn	Đạt	
		- Hệ thống dây sau công tơ đạt chuẩn	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
4	Điện	- Chiều dài dây dẫn từ công tơ vào hộ sử dụng điện không quá 20m	Đạt	Sở Công Thương
		- Tỷ lệ lắp đặt công tơ điện tử, hệ thống đo xa	$\geq 70\%$	
		- Điện trong nhà được bố trí an toàn, có dây dẫn điện đạt chuẩn và bảng điện tổng được đặt cố định trên tường hoặc khung nhà, thuận lợi cho việc thao tác	Đạt	
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	Đạt	
		4.2.1. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	100%	
		4.2.2. Ngừng giảm mức cung cấp điện theo quy định	Đạt	
		4.2.3. Trong vòng 1 năm trở lại, không xảy ra vụ việc mất an toàn về điện	Đạt	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) trên địa bàn xã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7.1. Có chợ nông thôn phù hợp với nhu cầu của Nhân dân, phù hợp với quy hoạch của Thành phố	Đạt	Sở Công Thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7.2. Có siêu thị mini trở lên, hoặc cửa hàng tiện lợi, hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định đảm bảo điều kiện về phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường	Đạt	Sở Công Thương	
		7.3. Có kế hoạch và triển khai thực hiện nâng cấp, cải tạo chợ hàng năm của các đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bảo đảm sử dụng hiệu quả các chợ đã được đầu tư	Đạt		
		7.4. Không có chợ cóc, tụ điểm kinh doanh tự phát trái phép lấn chiếm lòng đường, vỉa hè	Đạt		
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt		
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt		
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Sở Xây dựng	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	100%		
III	KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT				
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người)	Năm 2021	≥ 50	Cục Thống kê Thành phố
			Năm 2022	≥ 53	
			Năm 2023	≥ 56	
			Năm 2024	≥ 59	
			Năm 2025	≥ 62	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	≤ 1,5%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 80\%$	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Liên minh HTX Thành phố
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG			
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt $\geq 98\%$; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại tốt.	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 90\%$	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Sở Y tế
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
15	Y tế	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 16,5\%$	Sở Y tế
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	$\geq 70\%$	Sở Văn hóa và Thể thao
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 55\%$ ($\geq 40\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2m^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch, tỷ lệ hỏa táng $\geq 70\%$ so với các ca mất (trừ các khu vực có tín ngưỡng riêng, dân tộc ít người)	Đạt	Sở Xây dựng
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 90\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 90%	Sở Xây dựng
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 80%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥ 30%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 65%	
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Sở Nội vụ
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Sở Tư pháp
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Văn phòng Điều phối NTM Thành phố

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Bộ Tư lệnh Thủ đô
		<p>19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; không có tụ điểm phức tạp về tội phạm và tệ nạn xã hội; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.</p> <p>Xã không thuộc diện trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự. Năm trước năm xét, xã được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”; đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn xã đạt từ “khá” trở lên; Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên.</p> <p>Công an xã được bố trí quỹ đất đầu tư xây dựng trụ sở riêng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.</p>	Đạt	Công an Thành phố

Phụ lục II
BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
(Kèm theo Quyết định số .3098../QĐ-UBND ngày .29./8/2022
của UBND thành phố Hà Nội)

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).
2. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn và đánh giá	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Sở Quy hoạch Kiến trúc	
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt		
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt		
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	100%	Sở Giao thông Vận tải	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp	Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm		100%
			Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp		100%
2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100%				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn và đánh giá
2	Giao thông	2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	100%	Sở Giao thông Vận tải
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 30\%$	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	
4	Điện	4.1. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	Đạt	Sở Công Thương
		- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	100%	
		- Ngừng giảm mức cung cấp điện theo quy định, chỉ số mất điện bình quân lưới điện trung áp SAIDI ≤ 250 phút	Đạt	
		- Trong vòng 02 năm trở lại không xảy ra vụ việc mất an toàn về điện.	Đạt	
		4.2. Xây dựng kế hoạch bảo trì, nâng cấp hệ thống lưới điện hàng năm	Đạt	
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) trên địa bàn xã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó có 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn và đánh giá
5	Giáo dục	5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	
		5.5. Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/ xếp loại tốt	Đạt	
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	≥ 90%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7.1. Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm quy định tại điều 4, tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017 chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Sở Công Thương
		7.2. Có kế hoạch và triển khai nâng cấp, cải tạo chợ hàng năm của các đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bảo đảm sử dụng hiệu quả các chợ đã được đầu tư	Đạt	
		7.3. Không có chợ cóc, tụ điểm kinh doanh tự phát trái phép lấn chiếm lòng đường, vỉa hè	Đạt	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn và đánh giá
8	Thông tin và Truyền thông	8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Các xã có vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	$\geq 50\%$	Sở Thông tin và Truyền thông
			Các xã còn lại	$\geq 80\%$	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông		Đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới		Đạt	
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)		Đạt	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		100%	Sở Xây dựng
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥ 60	Cục Thống kê Thành phố
			Năm 2022	≥ 64	
			Năm 2023	≥ 68	
			Năm 2024	≥ 72	
			Năm 2025	≥ 76	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		$\leq 1,2\%$	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 85\%$	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 35\%$	
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn, cụ thể:	Nông, lâm nghiệp và thủy sản $\leq 15,4\%$	Đạt	
			Công nghiệp và xây dựng $\geq 44,7\%$		
		Dịch vụ $\geq 39,9\%$			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn và đánh giá
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1	Liên minh HTX Thành phố
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 1	
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt	
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 15\%$	
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	≥ 1	Sở Du lịch
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Sở Y tế
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 90\%$	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn và đánh giá
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Văn phòng UBND Thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính)
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	Sở Tư pháp
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 98\%$	
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 50\%$	
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn và đánh giá
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 95\%$	
17	Môi trường	17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 85\%$	
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4m^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 90\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 65\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 80 lít	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 45\%$	
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	$\geq 90\%$	
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	100%	Sở Xây dựng

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn và đánh giá
18	Chất lượng môi trường sống	18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Bộ Tư lệnh Thủ đô
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; không có điểm phức tạp về tội phạm và tệ nạn xã hội; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Năm trước năm xét, đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn xã đạt “xuất sắc”; Công an xã đạt “Đơn vị quyết thắng”. Công an xã có trụ sở riêng hoặc đang được khởi công xây dựng	Đạt	Công an Thành phố

Phụ lục III
BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số ..3098./QĐ-UBND ngày ..29./8/2022
của UBND thành phố Hà Nội)

XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2021-2025:

1. Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020, phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.
2. Xã nông thôn mới kiểu mẫu phải hoàn thành các tiêu chí sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
I	CHỈ TIÊU BẮT BUỘC			
1	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.	Đạt	Cục Thống kê Thành phố
2	Mô hình thôn thông minh	2.1. Tổ công nghệ số cộng đồng	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		2.2. Giao tiếp thông minh	Đạt	
		2.3. Thương mại điện tử	Đạt	
		2.4. Du lịch thông minh (<i>Đối với thôn có sản phẩm, dịch vụ du lịch trên địa bàn thôn</i>)	Đạt	
		2.5. Dịch vụ xã hội	Đạt	
II. CÁC TIÊU CHÍ TỰ CHỌN (Hoàn thành 1 trong các lĩnh vực sau)				
1	Lĩnh vực An ninh trật tự:			
1.1	Trong 3 năm liên tục trước thời điểm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã: Không có công dân cư trú trên địa bàn xã phạm tội, tội phạm hình sự không vượt quá 5 vụ/năm; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm liên tục (mỗi năm giảm 5%).		Đạt	Công an Thành phố

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
1.2		Có ít nhất 03 mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Công an Thành phố
1.3		Trong 3 năm liên tục trước thời điểm xét: xã được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”; đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn xã đạt “xuất sắc”; Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên và có ít nhất 01 năm đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” (hay hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ), không có cá nhân bị kỷ luật.	Đạt	
1.4		Công an xã có trụ sở riêng và được trang bị đầy đủ các trang thiết bị làm việc theo quy định của Bộ Công an.	Đạt	
2	Lĩnh vực Môi trường			
2.1		Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy định của Bộ Y tế	100%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2.2		Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý theo đúng quy định	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.3		Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định	Đạt	
a		Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý theo đúng quy định	100%	
b		Có mô hình phân loại rác thải tại các hộ gia đình	≥ 60%	
c		Áp dụng biện pháp xử lý phù hợp	100%	
2.4		Có từ 75% trở lên số tuyến đường xã, thôn, cụm dân cư được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt	
2.5		Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng hoạt động ít nhất 1 lần/tuần:	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
2.6		Hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
a		Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	$\geq 95\%$	
b		Tỷ lệ hộ nuôi trồng thủy sản đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	
3	Lĩnh vực sản xuất			
3.1		Doanh nghiệp, Hợp tác xã liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã đạt 100% sản lượng nhu cầu tiêu thụ của Nhân dân	Đạt	Liên minh HTX Thành phố
3.2		Sản phẩm chủ lực của xã phải có chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền công nhận	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3.3		Có ít nhất 01 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (được đơn vị có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận)	Đạt	
4	Lĩnh vực y tế			
		Triển khai mô hình Trạm Y tế điểm theo nguyên lý Y học gia đình	Đạt	Sở Y tế
5	Lĩnh vực Văn hóa			
5.1		Có trung tâm văn hóa, thể thao xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Có đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ của toàn xã. Xã có sân thể thao đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu luyện tập thể thao của nhân dân trong xã. Hàng năm, có kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao
5.2		100% số thôn trong xã có nhà văn hóa, khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Mỗi thôn có ít nhất một loại hình câu lạc bộ hoặc đội văn nghệ, thể thao trở lên hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Các nhà văn hóa thôn phải có Ban chủ nhiệm, Quy chế tổ chức hoạt động được UBND xã ra quyết định phê duyệt.	Đạt	
6	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo			
6.1		100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) trên địa bàn xã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên; trong đó có 02 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
6.2		Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại tốt.	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
6.3		Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	
7	Lĩnh vực Du lịch			
7.1		Có ít nhất 01 điểm du lịch hoặc khu du lịch đã được công nhận theo quy định của Luật Du lịch	Đạt	Sở Du lịch
7.2		Thực hiện tiếp nhận, giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của du khách	Đạt	
7.3		Cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động du lịch trên địa bàn thực hiện tốt ứng xử văn minh với khách du lịch	Đạt	
8	Lĩnh vực Chuyển đổi số			
8.1		Hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến	≥ 80%	Sở Thông tin và Truyền thông
8.2		Người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	≥ 90%	
8.3		Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.	100%	
8.4		Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	≥ 60%	
8.5		Hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.	100%	
8.6		Hộ gia đình có kết nối internet	≥ 80%	
8.7		Hộ gia đình có điện thoại thông minh	≥ 95%	